TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **229/**2024/DS-ST Ngày: 17/5/2024 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Thu Ba

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Võ Phương Trang
2. Ông Lê Văn Khanh

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Nguyễn Thị Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: bà Từ Ngọc Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 291/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 12/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A
Địa chỉ: 442 đường N, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Từ Tiến P, sinh năm 1974 – Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.
Người đại diện theo ủy quyền: ông Hứa Văn N, sinh năm 1997 (theo Giấy ủy quyền số 689/UQ-QLN.23 ngày 26/5/2023). Có mặt.

Bị đơn: bà Trần Thị Uyên K, sinh năm 1955
Địa chỉ: đường N, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Bà Huỳnh Thị Cẩm T, sinh năm 1977; xin vắng mặt
2. Ông Huỳnh Tấn H, sinh năm 1980; có mặt

3. Ông Huỳnh Tấn Th, sinh năm 1987; vắng mặt
4. Bà Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 1997; vắng mặt
Cùng địa chỉ: đường N, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cùng các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Thị Uyên K có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (gọi tắt là A) theo các Hợp đồng tín dụng sau đây:

1/ Hợp đồng cấp tín dụng số PTH.CN.634.021117 ngày 08/11/2017: số tiền vay là 1.000.000.000 đồng. Mục đích cho vay tiêu dùng, mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình. Phương thức cho vay từng lần. Thời hạn cho vay 120 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu, thời hạn giải ngân tối đa 06 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng. Phương thức giải ngân và lãi suất trong hạn được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất phạt chậm trả bằng 10%/năm.

Để thực hiện Thỏa thuận tín dụng và Hợp đồng tín dụng nêu trên, A đã giải ngân cho bà K bằng 02 Khế ước nhận nợ (gọi tắt là KUNN) sau:

- KUNN số 249599339: ngày giải ngân 09/11/2017, số tiền giải ngân 250.000.000 đồng, phương thức giải ngân là chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 201093569 của bà Trần Thị Uyên K tại A, thời hạn cho vay từ ngày 10/11/2017 đến ngày 09/11/2027. Lãi suất: lãi suất trong hạn: 9.5%/năm, cố định trong thời hạn 12 tháng, lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

- KUNN số 251901599: ngày giải ngân 13/12/2017, số tiền giải ngân 750.000.000 đồng, phương thức giải ngân là chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 201093569 của bà Trần Thị Uyên K tại A, thời hạn cho vay từ ngày 14/12/2017 đến ngày 09/11/2027. Lãi suất: lãi suất trong hạn: 9.5%/năm, cố định trong thời hạn 6 tháng, lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

2/ Hợp đồng cấp tín dụng số PTH.CN.183.050118 ngày 05/01/2018: số tiền cho vay 850.000.000 đồng. Mục đích cho vay bổ sung vốn mua thửa đất số A, TBĐ số B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Phương thức cho vay từng lần. Thời hạn cho vay 120 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu, thời hạn giải ngân 06 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng. Phương thức giải ngân và lãi suất trong hạn được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất phạt chậm trả bằng 10%/năm.

Để thực hiện hợp đồng, A đã giải ngân cho bà Trần Thị Uyên K bằng KUNN số 254246779: ngày giải ngân 16/01/2018, số tiền giải ngân

850.000.000 đồng, phương thức giải ngân là chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 201093569 của bà Trần Thị Uyên K tại A, thời hạn cho vay từ ngày 17/01/2018 đến ngày 16/01/2028, Lãi suất: lãi suất trong hạn: 9.5%/năm, cố định trong thời hạn 6 tháng, lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

3/ Hợp đồng cấp tín dụng số PTH.CN.594.190320 ngày 20/3/2020: số tiền cho vay 300.000.000 đồng. Mục đích cho vay tiêu dùng, mua sắm thiết bị vật dụng gia đình. Phương thức cho vay từng lần. Thời hạn cho vay 120 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu, thời hạn giải ngân 06 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng. Phương thức giải ngân và lãi suất trong hạn được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất phạt chậm trả bằng 10%/năm.

Để thực hiện hợp đồng, A đã giải ngân cho bà Trần Thị Uyên K bằng KUNN số 305474979: ngày giải ngân 20/3/2020, số tiền giải ngân 300.000.000 đồng, phương thức giải ngân là chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 201093569 của bà Trần Thị Uyên K tại A, thời hạn cho vay từ ngày 21/3/2020 đến ngày 20/3/2030, Lãi suất: lãi suất trong hạn: 10.5%/năm, cố định trong thời hạn 12 tháng, lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

4/ Hợp đồng cấp tín dụng số PTH.CN.745.210520 ngày 21/5/2020: số tiền cho vay 500.000.000 đồng. Mục đích vay sửa chữa nhỏ và trang trí nội thất căn nhà số đường L, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Phương thức cho vay từng lần. Thời hạn cho vay 120 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu, thời hạn giải ngân 06 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng. Phương thức giải ngân và lãi suất trong hạn được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất phạt chậm trả bằng 10%/năm.

Để thực hiện hợp đồng, A đã giải ngân cho bà Trần Thị Uyên K bằng KUNN số 309591129: ngày giải ngân ngày 21/5/2020, số tiền giải ngân 500.000.000 đồng, phương thức giải ngân là chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 201093569 của bà Trần Thị Uyên K tại A, thời hạn cho vay từ ngày 22/5/2020 đến ngày 21/5/2030, Lãi suất: lãi suất trong hạn: 10.5%/năm, cố định trong thời hạn 12 tháng, lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

5/ Hợp đồng cấp tín dụng số PTH.CN.999.060821 ngày 09/8/2021: số tiền cho vay 300.000.000 đồng. Mục đích vay tiêu dùng khác phù hợp quy định pháp luật - Ổn định và trang trải cuộc sống. Phương thức cho vay từng lần. Thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu, thời hạn giải ngân 06 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng. Phương thức giải ngân và lãi suất trong hạn được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất phạt chậm trả bằng 10%/năm.

Để thực hiện hợp đồng, A đã giải ngân cho bà Trần Thị Uyên K bằng các KUNN như sau:

- KUNN số 341685649: ngày giải ngân ngày 09/8/2021, số tiền giải ngân 100.000.000 đồng, phương thức giải ngân là chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 201093569 của bà Trần Thị Uyên K tại A, thời hạn cho vay từ ngày 10/8/2021 đến ngày 09/8/2026.

- KUNN số 345196649: ngày giải ngân ngày 12/10/2021, số tiền giải ngân 100.000.000 đồng, phương thức giải ngân là chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 201093569 của bà Trần Thị Uyên K tại A, thời hạn cho vay từ ngày 13/10/2021 đến ngày 09/8/2026.

- KUNN số 347954369: ngày giải ngân ngày 17/11/2021, số tiền giải ngân 100.000.000 đồng, phương thức giải ngân là chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 201093569 của bà Trần Thị Uyên K tại A, thời hạn cho vay từ ngày 18/11/2021 đến ngày 09/8/2026,.

Lãi suất của ba KUNN trên: lãi suất trong hạn: 8.5%/năm, cố định trong thời hạn 12 tháng, lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = LSCS + 2.9%; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

6/ Hợp đồng cấp tín dụng số PTH.CN.3339.130922 ngày 16/9/2022: Hạn mức tín dụng 650.000.000 đồng. Mục đích cho vay: tái cấp hạn mức bổ sung vốn để thực hiện các hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên không phải đăng ký kinh doanh khác nhằm phát triển kinh tế gia đình. Phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng. Thời hạn cho vay không quá 09 tháng, kể từ ngày kế tiếp của ngày giải ngân. Thời hạn hiệu lực 12 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức. Phương thức giải ngân và lãi suất trong hạn được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất phạt chậm trả bằng 10%/năm.

Để thực hiện hợp đồng, A đã giải ngân cho bà Trần Thị Uyên K bằng KUNN số 372547929: ngày giải ngân ngày 16/9/2022, số tiền giải ngân 650.000.000 đồng, phương thức giải ngân là chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 201093569 của bà Trần Thị Uyên K tại A, thời hạn cho vay từ ngày 17/9/2022 đến ngày 16/3/2023, Lãi suất: lãi suất trong hạn: 9.5%/năm, cố định trong thời hạn 3 tháng, lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

7/ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 16/3/2020; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A:

Hạn mức thẻ: 20.000.000 đồng, loại thẻ A Express (Thẻ tín dụng nội địa), ngày cấp 27/5/2020, hiệu lực thẻ tháng 5/2022. Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng, bà Trần Thị Uyên K vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho A. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai

bên về việc chấm dứt cho vay, chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, thì:

Ngày 17/3/2023, A đã chuyển toàn bộ khoản vay của KUNN số 372547929 sang nợ quá hạn (do kết thúc thời hạn cho vay).

Ngày 01/4/2023, A ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với khoản thẻ tín dụng nêu trên.

Ngày 10/4/2023, A ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay của các KUNN số: 249599339; 251901599; 254246779; 305474979; 309591129; 341685649; 345196649; 347954369.

Tính đến ngày 17/5/2024, bà Trần Thị Uyên K còn nợ A tổng số tiền là 3.113.328.761 đồng, trong đó gồm: vốn gốc 2.427.221.953 đồng, lãi trong hạn 127.036.819 đồng, lãi quá hạn 543.712.533 đồng, phạt chậm trả lãi 15.357.456 đồng.

Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên bà K đã thế chấp toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 549, tờ bản đồ số 5, địa chỉ đường N, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 897524, số vào sổ cấp GCN: CS14493 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/8/2016, cập nhật đính chính sai sót ngày 23/12/2016. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số PTH.BĐCN.234.021117 được công chứng tại Phòng công chứng số 7 Thành phố Hồ Chí Minh ngày 08/11/2017, số công chứng 26388; quyển số 11TP/CC-SCC/HĐGD. Đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Bình Tân ngày 08/11/2017.

Ngoài ra, ngày 20/3/2020 bà Huỳnh Thị Cẩm T có làm Giấy cam kết về việc trả nợ. Theo đó **bà T** đồng ý trả cho bà K các khoản nợ mà bà K vay của A khi bà K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Do bà K vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng nên A yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Trần Thị Uyên K trả ngay cho A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 17/5/2024 là 3.113.328.761 đồng, trong đó gồm: vốn gốc 2.427.221.953 đồng, lãi trong hạn 127.036.819 đồng, lãi quá hạn 543.712.533 đồng, phạt chậm trả lãi 15.357.456 đồng.

Buộc bà Trần Thị Uyên K còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A kể từ ngày 18/5/2024 đến ngày trả hết nợ. Nếu bà Trần Thị Uyên K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để

thu hồi nợ và Bên bảo lãnh là bà Huỳnh Thị Cẩm T thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 20/3/2020.

Bị đơn bà Trần Thị Uyên K trình bày: bà xác nhận có ký kết các hợp đồng tín dụng vay tiền của A như đại diện ngân hàng trình bày, bà xác nhận còn nợ ngân hàng số tiền tính đến ngày 17/5/2024 là 3.113.328.761 đồng. Bà xin ngân hàng gia hạn thời gian trả nợ để bà bán nhà trả nợ và xin miễn trả lãi phạt vì hiện tại việc kinh doanh của bà đang gặp khó khăn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Huỳnh Thị Cẩm T trình bày: bà xác nhận bà K còn nợ ngân hàng A số tiền như ngân hàng trình bày. Bà đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với khoản nợ của bà K đúng theo giấy cam kết trả nợ ngày 20/3/2020. Bà xin vắng mặt tại các phiên xét xử vì bận việc gia đình.

Ông Huỳnh Tấn Tùng trình bày: ông đồng ý với ý kiến của bà K trình bày, không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Ông Huỳnh Tấn Th, Nguyễn Thị Quỳnh N vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu không buộc bị đơn phải trả cho A tiền phạt chậm trả lãi tính đến ngày 17/5/2024 là 15.357.456 đồng và tính từ ngày 18/5/2024 trở về sau.

Buộc bị đơn phải trả ngay cho A tổng số tiền tính đến ngày 17/5/2024 là 3.097.971.305 đồng, trong đó gồm: vốn gốc 2.427.221.953 đồng, lãi trong hạn 127.036.819 đồng, lãi quá hạn 543.712.533 đồng. Bà K còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A kể từ ngày 18/5/2024 đến ngày trả hết nợ. Nếu bà Trần Thị Uyên K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Bên bảo lãnh là bà Huỳnh Thị Cẩm T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 20/3/2020.

Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng, A đã tạm ứng trước, yêu cầu bị đơn phải hoàn trả lại.

Bị đơn đồng ý trả nợ nhưng cho thời gian bán nhà trả vì hiện bà đang gặp rất nhiều khó khăn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Huỳnh Tấn Tùng không có ý kiến và yêu cầu gì. Bà Huỳnh Thị Cẩm T xin vắng mặt, ông Huỳnh Tấn Th, Nguyễn Thị Quỳnh N vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đều được giao kết phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng bà K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay, do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ vay là có cơ sở chấp nhận. Về nghĩa vụ bảo lãnh của bà T theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 20/3/2020. Bản cam kết được lập hoàn toàn tự nguyện nên có giá trị pháp lý. Do đó, ngân hàng yêu cầu bà T thực hiện trách nhiệm bảo lãnh là có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền phạt chậm trả lãi là 15.357.456 đồng. Đề nghị đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này. Chấp nhận các yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả ngay cho A tổng số tiền tính đến ngày 17/5/2024 là 3.097.971.305 đồng, trong đó gồm: vốn gốc 2.427.221.953 đồng, lãi trong hạn 127.036.819 đồng, lãi quá hạn 543.712.533 đồng.

Kiến nghị khắc phục về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện bà Trần Thị Uyên K yêu cầu trả nợ vay, đây là tranh chấp dân sự phát sinh từ Hợp đồng tín dụng giữa cá nhân và Ngân hàng. Bị đơn cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh và thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Cẩm T xin vắng mặt, Huỳnh Tấn Th và Nguyễn Thị Quỳnh N vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên trên.

[3] Về nội dung:

[3.1] Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu về việc không buộc bị đơn phải trả cho A tiền phạt chậm trả lãi tính đến ngày 17/5/2024 với số tiền là 15.357.456 đồng và tính từ ngày 18/5/2024 trở về sau. Xét việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn.

[3.2.] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 17/5/2024 là 3.097.971.305 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là: Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số PTH.CN.632.021117 ngày 08/11/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số PTH.CN.634.021117 ngày 08/11/2017, khế ước nhận nợ số 249599339 ngày 09/11/2017 và khế ước nhận nợ số 251901599 ngày 13/12/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số PTH.CN.183.050118 ngày 05/01/2018 và khế ước nhận nợ số 254246779 ngày 16/01/2018; Hợp đồng cấp tín dụng số PTH.CN.594.190320 ngày 20/3/2020 và khế ước nhận nợ số 305474979 ngày 20/3/2020; Hợp đồng cấp tín dụng số PTH.CN.745.210520 ngày 21/5/2020 và khế ước nhận nợ số 309591129 ngày 21/5/2020; Hợp đồng cấp tín dụng số PTH.CN.999.060821 ngày 09/8/2021 và các khế ước nhận nợ số 341685649 ngày 09/8/2021, số 345196649 ngày 12/10/2021, số 347954369 ngày 17/11/2021; Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số PTH.CN.3338.130922 ngày 16/9/2022; Hợp đồng cấp tín dụng số PTH.CN.3339.130922 ngày 16/9/2022; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 16/3/2020 kèm theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng nội địa của A; Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 20/3/2020; Thông báo thu hồi nợ trước hạn cùng lời thừa nhận của các bên đương sự thì xác định bà Trần Thị Uyên K có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A – Chi nhánh P tổng số tiền là 3.620.000.000 đồng. Lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ.

Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên bà K đã thế chấp toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 549, tờ bản đồ số 5, địa chỉ: đường N, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 897524, số vào sổ cấp GCN: CS14493 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/8/2016, cập nhật đính chính sai sót ngày 23/12/2016. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số PTH.BĐCN.234.021117 được công chứng tại Phòng công chứng số 7 Thành phố Hồ Chí Minh ngày 08/11/2017, số công chứng 26388; quyển số 11TP/CC-SCC/HĐGD. Đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Bình Tân ngày 08/11/2017.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến ngày 17/5/2024 dư nợ tổng cộng là 3.097.971.305 đồng, trong đó gồm: vốn gốc 2.427.221.953 đồng, lãi trong hạn 127.036.819 đồng, lãi quá hạn

543.712.533 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nợ trên là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Xét lời khai của bà K xác nhận có vay của ngân hàng A theo các hợp đồng tín dụng như A trình bày và xác nhận hiện còn nợ A tính đến ngày 17/5/2024 số tiền tổng cộng là 3.097.971.305 đồng, trong đó gồm: vốn gốc 2.427.221.953 đồng, lãi trong hạn 127.036.819 đồng, lãi quá hạn 543.712.533 đồng. Bà K đồng ý trả toàn bộ khoản vay trên cho ngân hàng nhưng hiện nay bà không còn khả năng thanh toán yêu cầu gia hạn thời gian để bà bán nhà trả nợ. Xét yêu cầu của bà K không được phía nguyên đơn chấp nhận do bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và gây thiệt hại cho nguyên đơn. Vì vậy, cần buộc bà K phải trả ngay cho ngân hàng A toàn bộ số tiền gốc và lãi nêu trên.

[3.4] Xét về nghĩa vụ bảo lãnh của bà Huỳnh Thị Cẩm T theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 20/3/2020. Bản cam kết này được lập hoàn toàn tự nguyện nên có giá trị pháp lý. Bà T cũng xác nhận bà K còn nợ ngân hàng A và bà T đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với khoản nợ trên theo đúng giấy cam kết trả nợ. Do đó, ngân hàng yêu cầu bà T thực hiện trách nhiệm bảo lãnh là có cơ sở chấp nhận, buộc bà T có nghĩa vụ cùng với bà K trả số tiền nợ trên cho A.

[3.5] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đương sự vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến gì khác. Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ tính đến ngày 17/5/2024 là 3.097.971.305 đồng và còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A kể từ ngày 18/5/2024 đến ngày trả hết nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng, buộc bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn.

[6] Về án phí: xét bà Trần Thị Uyên K là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội và Điều 2 Luật Người cao tuổi, Hội đồng xét xử miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà K. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 317, Điều 320, Điều 335, Điều 336, Điều 342, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

2. Buộc bà Trần Thị Uyên K phải trả ngay một lần cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 17/5/2024 là 3.097.971.305 (ba tỷ không trăm chín mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi mốt nghìn ba trăm lẻ năm) đồng, trong đó vốn gốc là 2.427.221.953 (hai tỷ bốn trăm hai mươi bảy triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn chín trăm năm mươi ba) đồng, lãi trong hạn là 127.036.819 (một trăm hai mươi bảy triệu không trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm mười chín) đồng, lãi quá hạn là 543.712.533 (năm trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm mười hai nghìn năm trăm ba mươi ba) đồng, phát sinh từ Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số PTH.CN.632.021117 ngày 08/11/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số PTH.CN.634.021117 ngày 08/11/2017, khế ước nhận nợ số 249599339 ngày 09/11/2017 và khế ước nhận nợ số 251901599 ngày 13/12/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số PTH.CN.183.050118 ngày 05/01/2018 và khế ước nhận nợ số 254246779 ngày 16/01/2018; Hợp đồng cấp tín dụng số PTH.CN.594.190320 ngày 20/3/2020 và khế ước nhận nợ số 305474979 ngày 20/3/2020; Hợp đồng cấp tín dụng số PTH.CN.745.210520 ngày 21/5/2020 và khế ước nhận nợ số 309591129 ngày 21/5/2020; Hợp đồng cấp tín dụng số PTH.CN.999.060821 ngày 09/8/2021 và các khế ước nhận nợ số 341685649 ngày 09/8/2021, số 345196649 ngày 12/10/2021, số 347954369 ngày 17/11/2021; Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số PTH.CN.3338.130922 ngày 16/9/2022; Hợp đồng cấp tín dụng số PTH.CN.3339.130922 ngày 16/9/2022; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 16/3/2020 kèm theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng nội địa của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Bà Trần Thị Uyên K còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A trên số dư nợ gốc còn thiếu kể từ ngày 18/5/2024 cho đến khi trả hết các khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các

điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng.

3. Trường hợp bà Trần Thị Uyên K không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 549, tờ bản đồ số 5 tại địa chỉ đường N, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 897524 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/8/2016 cho bà Trần Thị Uyên K, cập nhật đính chính sai sót ngày 23/12/2016. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số PTH.BĐCN.234.021117 được công chứng tại Phòng công chứng số 7, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 08/11/2017, số công chứng 26388, quyển số 11 TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Bình Tân ngày 08/11/2017.

4. Buộc bà Huỳnh Thị Cẩm T có nghĩa vụ cùng trả nợ với bà Trần Thị Uyên K toàn bộ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A theo giấy cam kết về việc trả nợ đã ký ngày 20/3/2020, và còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A trên số dư nợ gốc kể từ ngày 18/5/2024 cho đến khi trả hết các khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A về việc buộc bị đơn Trần Thị Uyên K phải trả tiền phạt chậm trả lãi tính đến ngày 17/5/2024 với số tiền là 15.357.456 đồng và tính từ ngày 18/5/2024 trở về sau do nguyên đơn rút yêu cầu.

6. Về chi phí tố tụng: buộc bà Trần Thị Uyên K phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 5.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

7. Về án phí:

Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị Uyên K.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 46.864.143 (bốn mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm bốn mươi ba) đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (do Hứa Văn N nộp) theo biên lai thu số AA/2022/0011601 ngày 21/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành án tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

8. Quyền kháng cáo: các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q. Bình Tân;
- Chi cục THA.DS Q. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu Ba

TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 12 năm 2021

Tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Thu Ba
Thành viên Hội đồng xét xử: bà Lê Thị Tý
ông Lê Văn Khanh

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 257/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín
Bị đơn: bà Vũ Thị Linh, sinh năm 1982

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Xét thấy: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng bị đơn Vũ Thị Linh vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Thời gian mở lại phiên tòa được ấn định vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 15 giờ 45 phút, ngày 27 tháng 12 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và cùng ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 21 tháng 01 năm 2022

Tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Thu Ba
Thành viên Hội đồng xét xử: bà Lê Thị Tý
ông Lê Văn Khanh

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 257/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín
Bị đơn: bà Vũ Thị Linh, sinh năm 1982

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

2. Buộc bà Vũ Thị Linh phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 15/7/2019 là 44.960.293 đồng, trong đó nợ gốc là 23.555.515 đồng; lãi quá hạn là 21.404.778 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bà Linh còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín trên số dư nợ gốc kể từ ngày 22/01/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Vũ Thị Linh phải chịu 2.248.015 (hai triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn không trăm mười lăm) đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 603.433 (sáu trăm lẻ ba nghìn bốn trăm ba mươi ba) đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (do Thạch Ngọc Phúc nộp) theo

biên lai thu số 0061184 ngày 03/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 21 tháng 01 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và cùng ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**